

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS- ST
Ngày: 20-02-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh

Ông Đoàn Văn Lắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Lê Văn H, sinh năm 1967

Địa chỉ : Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho bà Phan Thị B, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972

Bà Trần Thị H2, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ : Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H1 ủy quyền cho bà H2.

Tất cả có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn H và đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị B trình bày:

Ông H yêu cầu ông H1 và bà H2 liên đới trả cho ông H số tiền thức ăn gia súc còn thiếu là 74.177.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/6/2016 đến ngày tòa án xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà B trình bày: Bà đại diện ông H rút một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 23/6/2016 đến ngày 13/4/2017. Nay ông H chỉ yêu cầu ông H1 và bà H2 liên đới trả cho ông H số tiền thức ăn gia súc còn thiếu là 74.177.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/4/2017 đến ngày tòa án xét xử theo qui định của pháp luật.

Khoảng năm 2013 vợ chồng ông H1 và bà H2 có hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông. Hai bên thỏa thuận là bán heo thanh toán tiền, thời gian bán heo là khoảng 04 đến 05 tháng. Sau đó mỗi lần xuất chuồng thì ông H1 bà H2 trả nhưng không đủ, xin thiếu lại nhưng không nhiều kéo dài đến ngày 14/4/2017 ông H1 bà H2 còn thiếu lại là 94.177.000 đồng. Việc công sổ này đã thống nhất hai bên và ông H1, bà H2 có ký nhận và hứa sẽ trả cho ông H nhưng không trả. Ông H đã yêu cầu ông H1 và bà H2 trả nhiều lần thì bà H2 cam kết từ ngày 19/7/2018 vợ chồng ông H1, bà H2 sẽ trả lãi cho ông theo lãi suất nhà nước nhưng cũng không có trả lãi. Tính từ ngày 14/4/2017 đến nay phía ông H1, bà H2 có trả cho ông H ba lần là tổng cộng là 20.000.000 đồng, hiện còn nợ ông là 74.177.000 đồng.

Bị đơn đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1 bà Trần Thị H2 trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông H1 còn nợ ông H 74.177.000 đồng

Tại biên bản hòa giải bà H2 đồng ý cùng ông H1 trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vào ngày 25 âm lịch hàng tháng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại tòa bà H2 trình bày: Bà đồng ý cùng ông H1 trả nợ nhưng xin trả dần nếu nguyên đơn đồng ý bà xin trả ngay tại tòa 10.000.000 đồng còn lại bao nhiêu mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vào ngày 30 âm lịch hàng tháng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Khoảng tháng 6/2016 vợ chồng bà có hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông H. Hai bên thỏa thuận là bán heo thanh toán tiền, thời gian bán heo là khoảng 04 đến 05 tháng. Sau đó mỗi lần xuất chuồng thì ông H1 và bà trả nhưng không đủ, xin thiếu lại nhưng không nhiều kéo dài đến ngày 14/4/2017 ông H1 bà H2 còn thiếu lại là 94.177.000 đồng. Việc công sổ này đã thống nhất hai bên và bà và ông H1n có ký nhận và hứa sẽ trả cho ông nhưng không trả, bà có viết cam kết từ ngày 19/7/2018 vợ chồng ông bà sẽ trả lãi cho ông H theo lãi suất nhà nước. Tính từ ngày 14/4/2017 đến nay phía ông H1 và bà có trả cho ông H ba lần là tổng cộng là 20.000.000 đồng, hiện còn nợ ông H1 là 74.177.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, qua tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 23/6/2016 đến ngày 13/4/2017. Việc phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ là phù hợp.

Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa các bên được hai bên các bên thừa nhận có thật, phía bà H2, ông H1 thừa nhận còn nợ ông H số tiền là 74.177.000 đồng tiền thức ăn gia súc như phía ông H yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh nên có cơ sở khẳng định bà H2, ông H1 còn nợ ông H tiền thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, bà H2 đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông H1 đồng ý trả nhưng xin trả ngay tại tòa 10.000.000 đồng còn lại bao nhiêu mỗi tháng trả 1.000.0000 đồng cho cho đến khi hết nợ vào ngày 30 âm lịch hàng tháng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đại diện phía ông H không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên thỏa thuận từ ngày mua thức ăn đến ngày trả tiền là khi heo ra chuồng nhưng bà H2, ông H1 không trả tiền theo đúng thỏa thuận và bà H2, ông H1 đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên buộc bà H2, ông H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ là 74.177.000 đồng cho ông H là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi từ 14/4/2017 đến ngày tòa án xét xử theo qui định của pháp luật của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ ngày 23/6/2016 đến ngày 14/4/2017 ông H1, bà H2 nợ ông H là 94.177.000 đồng, từ ngày 14/4/2017 đến nay phía ông H1 và bà H2 có trả cho ông H ba lần tổng cộng là 20.000.000 đồng hiện còn nợ ông H là 74.177.000 đồng, theo yêu cầu của nguyên đơn tiền lãi tính từ ngày 14/4/2017 đến ngày tòa án xét xử theo qui định của pháp luật, bị đơn cũng đồng ý trả lãi. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận. Theo qui định hiện nay lãi suất không vượt quá 10%/năm nên lãi theo qui định là 0,83%/tháng. Như vậy, số tiền được tính như sau : 74.177.000 đồng x (34 tháng 06 ngày) x 0,83% = 21.050.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên do bà H2, ông H1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các Điều 357, 430, 431, 433, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 23/6/2016 đến ngày 13/4/2017 của nguyên đơn Lê Văn H đối với bị đơn bà Trần Thị H2 và bị đơn ông Nguyễn Văn H1.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn H.

Buộc bà Trần Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 liên đới trả cho ông Lê Văn H số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 74.177.000 đồng, và tiền lãi 21.050.000 đồng, tổng cộng 95.227.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 được miễn nộp.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền tạm ứng án phí là 1.854.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007674 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Đương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

